TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
2. Ông Hà Xuân Thuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2017 về "Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXX - ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lương Thị Thanh T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Vy Liêm H, sinh năm 1964.
Địa chỉ: P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 05/05/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lương Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TX. P, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/11/2002. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H mà không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Vy Minh N, sinh ngày 07/12/2004, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vy Liêm H trình bày: Anh xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T và vì con nên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh và chị T về đoàn tụ gia đình với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Vy Minh N, sinh năm 2004, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì tùy con lựa chọn muốn ở với anh hay chị T cũng được, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Theo đơn khởi kiện của chị Lương Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Vy Liêm H, nơi cư trú của anh Vy Liêm H tại Phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Vy Liêm H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lương Thị Thanh T và anh Vy Liêm H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TX. P, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/11/2002. Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Thanh T thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, bị đơn anh Vy Liêm H cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị như chi T trình bày là đúng, tuy nhiên hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T và vì các con nên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh và chị T về đoàn tụ gia đình với nhau nhưng sau đó Tòa án triệu tập nhiều lần

nhưng anh H không đến làm việc, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Lương Thị Thanh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau chị T và anh H có 01 con chung là Vy Minh Nguyệt, sinh ngày 07/12/2004, hiện nay chị T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi đưỡng, giáo dục cháu N, anh H trình bày trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì tùy con lựa chọn muốn ở với anh hay chị T cũng được, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai cháu Vy Minh N ngày 17/5/2017 thì cháu N có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị T sau khi chị T và H ly hôn. Do đó cần xem xét giao con chung là Vy Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi đưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nguyên đơn chị Lương Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn anh Vy Liêm H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005654 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Thanh T, chị Lương Thị Thanh T được ly hôn với anh Vy Liêm H.

[2] Về con chung: Chị Lương Thị Thanh T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vy Minh N, sinh ngày 07/12/2004. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005654 ngày 15/05/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CCTHADS thị xã Phước Long;
- UBND xã (Phường);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Danh